

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2019

V/v tranh chấp “xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Thảo

Ông Nguyễn Chí Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐ-HPT ngày 01/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T.

- Chị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Anh N vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 22/02/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S trình bày: Tôi và anh Trần Văn N có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 12/9/2016 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau. Nguyên nhân do anh N không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm tôi và bạo hành tôi. Chúng tôi chính thức ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Thời gian ly thân nhau vợ chồng cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; Về con chung: Có một con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017, hiện đang sống với tôi; Về tài sản chung: Có một số tài sản chung, nhưng tôi không

tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần văn N; Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017. Không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Trần văn N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị S và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt hai lần không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu được ly hôn với anh Trần văn N; Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017. Không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có.

- Anh N vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc S tại phiên tòa, thì chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần văn N. Anh N hiện cư trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần văn N không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh Trần văn N vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S và bị đơn anh Trần văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần văn N. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc S, Hội đồng xét xử xét thấy chị S và anh N có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 12/9/2016 và được cấp giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn. Chị S xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị S xác định do anh N không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm và bạo hành với chị. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị S và anh N từ năm 2017 đến nay là đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị S và anh N cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị S cương quyết được xin ly hôn đối với anh N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị S và cũng được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Như vậy chứng tỏ anh N đã không còn tình cảm đối với chị S. Tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị H (BL số 15) là mẹ ruột của chị S thì bà H xác định chị S và anh N thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn do anh N và gia đình anh N khó khăn, anh N nghe lời mẹ ruột, từ đó chị S không sống được mà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, gia đình cũng đã tạo điều kiện cho chị S đoàn tụ nhưng không đoàn tụ được, anh N cũng không tới lui thăm nom vợ con, ngay cả ngày sinh nhật lần thứ nhất của con anh N cũng không đến. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh N là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn anh Trần Văn N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị S và anh N có một con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017, hiện đang sống với chị S. Tại phiên tòa hôm nay chị S yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu T, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017 thì từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu hiện đang sống với chị S ổn định, cháu T còn nhỏ (chưa đầy 03 tuổi) và là con gái nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị S yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và cũng có điều kiện để nuôi dạy con tốt. Từ khi ly thân nhau cho đến nay anh N không có thường đến thăm con chung, hay chăm sóc gì cho con cùng với chị S. Anh N cũng không có yêu cầu nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị S tiếp tục nuôi con chung giữa chị và anh N, là cháu Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017 là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S cũng không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị S xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có ghi nhận khi khi án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
 - Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn với anh Trần văn N.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc S được tiếp tục nuôi một con chung giữa chị và anh Trần văn N là cháu Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/8/2017. Anh Trần văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Ngọc S chưa có yêu cầu.

Anh Trần văn N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 19686 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị S thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị S và anh N được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã H;
- Các đương sự:
 - + Nguyễn Thị Ngọc S
 - + Trần văn N
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

